

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá E-HSDT của Nhà thầu. E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt. Cụ thể:

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng | | |
| | Có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính thể hiện nguồn gốc xuất xứ và tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Trình bày đầy đủ các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu chính. Đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu | Đạt |
| 1.1. Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu chính phù hợp với yêu cầu của gói thầu. | Không có hoặc có bảng danh mục vật tư, vật liệu chính nhưng chưa phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và yêu cầu của của hồ sơ mời thầu; kê thiếu vật tư, vật liệu chính. Sử dụng các văn bản pháp lý hết hiệu lực. Trình bày thiếu hoặc sơ sài các nội dung về công tác quản lý chất lượng vật tư, vật liệu | Không đạt |
| 1.2. Đối với các vật tư, vật liệu: Xi măng, sắt thép, cát vàng, cát xây, Đá 1x2; 2x4, gạch xây, gạch ốp lát, thiết bị điện nước,...; | Có hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp kèm theo đăng ký kinh doanh. Riêng các vật liệu cát, đá các loại Nhà thầu phải làm Bản cam kết cung cấp vật liệu kèm theo danh sách các mỏ dự kiến. Các thiết bị điện, nước; phòng cháy chữa cháy, thiết bị phòng học, văn phòng cung cấp Catalogue | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| | có thông số kỹ thuật đáp ứng HSMT | |
| | Không có hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp hoặc không đáp ứng được yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 2. Giải pháp kỹ thuật - Biện pháp thi công (BPTC) | | |
| 2.1 Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cống ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, bản vẽ hợp lý đúng tỉ lệ kích thước theo qui định hiện hành, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và phù hợp hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.2 Giải pháp trắc đạc, chuẩn bị để thi công công trình. | Có giải pháp kỹ thuật đầy đủ hợp lý, khả thi, phù hợp với tiêu chuẩn hiện hành, điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Đạt |
| | Giải pháp kỹ thuật không đầy đủ, không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiêu chuẩn, với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. | Không đạt |
| 2.3 Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công: | Trình bày đầy đủ chi tiết các nội dung, các công việc theo Hồ sơ thiết kế được duyệt có thuyết minh | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| | kèm theo bản vẽ biện pháp thi công. Các nội dung trình bày phù hợp với tiến độ thi công, nhân lực, máy móc bố trí. Riêng bản vẽ đúng tỉ lệ kích thước theo quy định hiện hành. Đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu tại Chương V | |
| | Trình bày thiếu nội dung hoặc thiếu bản vẽ BPTC so với yêu cầu của hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Không có đầy đủ căn cứ theo tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp thi công không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với quy chuẩn tiêu chuẩn hiện hành và tiến độ thi công, nhân lực bố trí. Không đáp ứng nội dung trên | Không đạt |
| 2.4 Bản vẽ tổng mặt bằng bố trí thi công, bản vẽ tổ chức thi công các hạng mục công việc | Có bản vẽ đầy đủ, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ, phù hợp với mặt bằng hiện trạng, phù hợp với BPTC. Thể hiện được tất cả các hạng mục sẽ thi công trên công trường, bao gồm thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | Đạt |
| | Không có bản vẽ đầy đủ, hoặc bản vẽ không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ, không phù hợp với mặt bằng hiện trạng, không phù hợp | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| | với thuyết minh BPTC. Không đáp ứng yêu cầu trên | |
| 3. Tiến độ thực hiện | | |
| 3.1. Thời gian thực hiện hợp đồng có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công. | Đề xuất thời gian phù hợp với yêu cầu hồ sơ mời thầu | Đạt |
| | Không đề xuất; Đề xuất không rõ ràng; hoặc Có đề xuất nhưng không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu. | Không đạt |
| 3.2 Biểu đồ tiến độ thi công chi tiết | Có biểu đồ thi công chi tiết theo bảng tiên lượng và hồ sơ thiết kế. Trình tự thi công các hạng mục, công tác hợp lý | Đạt |
| | Không có biểu đồ hoặc có biểu đồ nhưng không chi tiết tới từng công tác và không phù hợp với bản vẽ thiết kế. Trình tự thi công không phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn thi công nghiệm thu hiện hành. Không đáp ứng yêu cầu trên | Không đạt |
| 3.3. Sự phù hợp với tiến độ thi công chi tiết: a) Giữa bố trí thiết bị thi với tiến độ thi công chi tiết b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công thi công chi tiết | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). Có biểu đồ huy động thiết bị, nhân lực phù hợp với tiến độ, biện pháp thi công phù hợp với định mức hiện hành | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). Không có biểu đồ kèm theo hoặc biểu đồ nhân lực, thiết bị không phù hợp với định mức hiện hành và yêu cầu hồ sơ mời thầu | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 4. Biện pháp đảm bảo chất lượng | | |
| <p>4.1 Thuyết minh biện pháp đảm bảo chất lượng trong thi công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thuyết minh hợp lý về biện pháp bảo đảm chất lượng, gồm những nội dung như sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công, ... - Có biện pháp quản lý chất lượng cho từng loại công tác thi công; Có biện pháp bảo quản vật liệu, công trình khi tạm dừng thi công, khi mưa bão; Có giải pháp sửa chữa hư hỏng và bảo hành công trình - Có nêu trách nhiệm của nhà thầu trong thi công xây dựng công trình theo quy định. - Và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu | <p>Đề xuất đủ và hợp lý đối với các nội dung bên, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành, phù hợp với yêu cầu của hồ sơ mời thầu</p> | Đạt |
| | <p>Đề xuất nội dung không đầy đủ, không đạt yêu cầu đối với các nội dung nêu bên hoặc đề xuất biện pháp đảm bảo chất lượng không hợp lý. Không đáp ứng tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu</p> | Không đạt |
| <p>4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công; Có biện pháp bảo quản vật tư, vật liệu tại công trình đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và tiến độ thi công. - Có giải pháp xử lý vật tư, vật liệu phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu - Và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu | <p>Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.</p> | Đạt |
| | <p>Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.. Không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu</p> | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường | | |
| 5.1 An toàn lao động | | |
| <p>Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động; - Biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công hoặc hạng mục công trình; - An toàn giao thông ra vào công trường; - Biện pháp đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề; Bảo vệ các công trình hạ tầng, cây xanh trong khu vực xung quanh; - An toàn cho cư dân xung quanh công trường; An toàn phòng chống dịch bệnh trong quá trình triển khai thi công;..... - Và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu | <p>Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | Đạt |
| | <p>Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, với tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành. Không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu</p> | Không đạt |
| 5.2 Phòng cháy, chữa cháy | | |
| <p>Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu | <p>Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công</p> | Đạt |
| | <p>Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không đầy đủ so với tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và yêu cầu của hồ sơ mời thầu</p> | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 5.3 Vệ sinh môi trường | | |
| <p>a. Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.</p> <p>b. Có trình bày công tác đổ phế thải phù hợp với gói thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị được cấp phép xử lý chất thải rắn - Và các yêu cầu của hồ sơ mời thầu | <p>a. Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công, trình bày đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p> <p>b. Có trình bày công tác đổ phế thải phù hợp với gói thầu</p> | Đạt |
| | <p>a. Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không đầy đủ so với tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và yêu cầu của hồ sơ mời thầu.</p> <p>b. Không trình bày hoặc trình bày không hợp lý công tác đổ phế thải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị được cấp phép xử lý chất thải - Không đáp ứng yêu cầu hồ sơ mời thầu | Không đạt |
| 6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu | | |
| 6.1 Bảo hành bảo trì | | |
| Thời gian bảo hành và giải pháp bảo hành, bảo trì | <ul style="list-style-type: none"> - Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng cho công trình. Đối với thiết bị tối thiểu là 12 tháng và không thấp hơn thời hạn bảo hành của nhà sản xuất - Có thuyết minh giải pháp bảo trì và sửa chữa hư | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| | hông trong thời gian bảo hành và đáp ứng tất cả yêu cầu của HSMT. | |
| | Không đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Không đạt |
| 6.2 Uy tín của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu và thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó. | Nhà thầu không vi phạm hoặc có vi phạm nhưng thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 | Đạt |
| | Vi phạm trong việc tham dự thầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 19 Nghị định 214/2025/NĐ-CP nhưng không thực hiện bảo đảm dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 được xác định là đạt | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. Tất cả các tiêu chuẩn được tham chiếu đến Chương V của hồ sơ mời thầu | Không đạt |